

thì giao lại cho Ủy ban nhân dân xã trực tiếp quản lý để giao khoán cho các hộ gia đình.

Điều 4. Chính sách sử dụng rừng PAM:

Đối với rừng PAM trồng trên đất quy hoạch rừng sản xuất, rừng phòng hộ ở vùng ít xung yếu, rừng phòng hộ cục bộ ở trong phạm vi một thôn, một xã thì chủ rừng có quyền sở hữu hoàn toàn đối với rừng do mình gây trồng, có quyền chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp và được khai thác, sử dụng sản phẩm rừng PAM phù hợp với quy chế quản lý của từng loại rừng.

Hộ nhận khoán rừng phòng hộ ở vùng rất xung yếu và xung yếu được hưởng toàn bộ sản phẩm tía thưa, nông, lâm kết hợp và các lâm sản phụ dưới tán rừng; được khai thác rừng theo thiết kế của bên giao khoán phù hợp với quy chế quản lý của từng loại rừng.

Khi khai thác và tiêu thụ sản phẩm rừng PAM, chủ rừng chỉ cần báo với cơ quan kiểm lâm gần nhất hoặc Ủy ban nhân dân xã, thị trấn sở tại để trong vòng 10 ngày được cấp giấy chứng nhận là sản phẩm hợp pháp từ rừng trồng, làm căn cứ để vận chuyển lưu thông.

Điều 5. Nghĩa vụ của chủ rừng khi khai thác rừng PAM.

1. Trồng lại rừng hoặc xúc tiến tái sinh để tái tạo rừng, bảo đảm cho rừng phát triển bền vững để giữ gìn ổn định môi trường sinh thái.

Trong vòng một năm sau khi khai thác, nếu chủ rừng không có biện pháp để tái tạo rừng thì Hạt kiểm lâm hoặc Ủy ban nhân dân xã đề nghị Ủy ban nhân dân huyện thu hồi lại đất và tiền hỗ trợ đầu tư của chương trình PAM cho chủ rừng để giao cho người khác sử dụng và gây trồng lại rừng.

2. Đóng thuế sử dụng đất theo luật định.

3. Hỗ trợ cho ngân sách xã một khoản tiền tương đương giá trị 100 kg gạo/ha nếu trồng rừng lâu năm khai thác một lần, hoặc bằng 3% giá trị

sản phẩm khai thác hàng năm nếu trồng cây lâu năm thu hoạch hàng năm (thông nhựa, cây lấy quả...). Khoản kinh phí này chỉ dùng vào mục đích quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của xã.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và chỉ áp dụng đối với rừng PAM. Những văn bản trước đây có nội dung trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 7. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN CÔNG TẬN

**CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ
số 28/1998/CT-TTg ngày 19/08/1998
về tăng cường và hiện đại hóa công
tác thống kê.**

Trong những năm qua, công tác thống kê đã từng bước được hoàn thiện và phát triển phù hợp với quá trình đổi mới của đất nước. Số liệu thống kê ngày càng phát huy tác dụng là căn cứ quan trọng để đánh giá, phân tích thực trạng và xu hướng phát triển của tình hình kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước và ở từng cấp, từng ngành. Nội dung hệ thống chỉ tiêu, phương pháp thu thập và xử lý số liệu đã từng bước tiếp cận với tiêu chuẩn quốc tế.

Tuy nhiên, trước những yêu cầu ngày càng cao đối với ngành thống kê trong điều kiện tăng cường hợp tác và hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới, thông tin thống kê đã bộc lộ nhiều hạn chế và bất cập. Hệ thống chỉ tiêu thống kê

thiếu đồng bộ, chưa được cung cấp kịp thời, một số chỉ tiêu chưa bảo đảm độ tin cậy cần thiết, nhất là số liệu cân đối lớn của nền kinh tế. Số liệu thống kê chưa được lưu giữ và truyền đưa bằng các phương tiện hiện đại, thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng.

Nguyên nhân của những thiếu sót và hạn chế nêu trên có phần do năng lực và trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức thống kê các cấp, các ngành. Nhưng mặt khác, cũng do điều kiện sản xuất manh mún, ý thức chấp hành luật pháp trong lĩnh vực kế toán, thống kê không nghiêm, cơ chế công khai hóa số liệu về sản xuất, kinh doanh không đồng bộ và chưa đủ hiệu lực.

Để khắc phục những hạn chế và thiếu sót nói trên, nhằm phát huy tác dụng của thông tin thống kê trong quản lý, điều hành ở các cấp, các ngành, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Tổng cục Thống kê phải khẩn trương triển khai những việc sau đây:

a) Tổng kết và đánh giá rút kinh nghiệm qua 10 năm thực hiện Pháp lệnh Kế toán và Thống kê báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý IV năm 1998. Trên cơ sở đó xây dựng dự án Luật Thống kê trình Chính phủ vào cuối năm 1999.

b) Căn cứ vào nhu cầu thông tin thống kê cần thiết cho việc quản lý, điều hành của các cấp, các ngành, tiến hành rà soát đánh giá hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội hiện hành, phân loại và bổ sung những chỉ tiêu mới, bảo đảm tính đồng bộ của số liệu thống kê kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch thu thập và cung cấp số liệu định kỳ của từng loại chỉ tiêu: hàng tháng, hàng quý, nửa năm, một năm, 2-3 năm, 5 năm và 10 năm.

c) Nghiên cứu áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội, nội dung, phương pháp thu thập số liệu và tính toán các chỉ

tiêu phản ánh các cân đối lớn và hiệu quả của nền kinh tế, kết quả thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, nâng cao đời sống của nhân dân và bảo đảm công bằng xã hội. Phấn đấu đến năm 2000, hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội của nước ta được thực hiện theo tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế.

d) Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành phân công trách nhiệm cụ thể trong việc thu thập và cung cấp số liệu giữa Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành, bảo đảm tính đồng bộ và chính thống của số liệu thống kê nhà nước gồm hai nguồn: Thống kê theo cấp hành chính do Tổng cục Thống kê quản lý và thống kê do các bộ, ngành quản lý. Việc phân công trách nhiệm thu thập và cung cấp số liệu thống kê về các lĩnh vực kinh tế - xã hội phải bảo đảm các nguyên tắc và yêu cầu sau đây:

- Số liệu thống kê có thể khai thác và tính toán từ các hồ sơ hành chính về từng lĩnh vực do bộ, ngành nào quản lý thì bộ, ngành đó chịu trách nhiệm tổng hợp, cung cấp cho Tổng cục Thống kê và các ngành, các cấp có liên quan.

- Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm thu thập những số liệu liên ngành và những số liệu mà các bộ, ngành không có điều kiện thực hiện hoặc thực hiện nhưng không bảo đảm tính khách quan và tiết kiệm chi phí.

đ) Phát triển công nghệ thông tin, xây dựng các cơ sở dữ liệu và mạng thông tin thống kê trong phạm vi cả nước, bảo đảm việc truyền dẫn và khai thác số liệu thống kê được thuận lợi.

e) Xây dựng Đề án "Chương trình phát triển công tác thống kê giai đoạn 2001-2020" trình Chính phủ vào năm 2000, nhằm phát huy tác dụng của thống kê là phương tiện quản lý hữu hiệu, đáp ứng yêu cầu đánh giá, phân tích thực trạng và dự báo tình hình kinh tế - xã hội trong phạm vi cả nước và từng cấp, từng ngành.

2. Các bộ, ngành tiến hành đánh giá thực trạng, ưu điểm và thiếu sót, yếu kém của tổ chức thống kê để có biện pháp khắc phục. Căn cứ vào hệ thống số liệu mà bộ, ngành chịu trách nhiệm tổng hợp và cung cấp, tiến hành củng cố tổ chức, bảo đảm đủ biên chế và các điều kiện cần thiết để từng bước nâng cao chất lượng và hiện đại hóa công tác thống kê.

Đối với những bộ, ngành tự bảo đảm hầu hết số liệu thống kê cần thiết trên cơ sở tổng hợp thông tin từ các hồ sơ hành chính thì hệ thống thống kê cần được xây dựng từ cơ quan trung ương đến địa phương để thực hiện cung cấp số liệu theo phạm vi toàn ngành và từng cấp quản lý.

Ở những bộ, ngành quản lý các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh mà phần lớn thông tin thống kê do Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm thu thập và cung cấp thì tổ chức thống kê chủ yếu tập trung vào việc điều tra thu thập số liệu, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo tác nghiệp về chuyên môn, kỹ thuật.

3. Tổng cục Thống kê, các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp phải thường xuyên kiểm tra, giám sát để phát hiện và xử lý kịp thời những vi phạm trong công tác thống kê.

4. Bộ Tài chính bố trí kinh phí điều tra thu thập và xử lý số liệu thống kê trong ngân sách hàng năm của Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Chỉ thị này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHÁI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 149/1998/QĐ-TTg ngày 21/08/1998 về việc quy hoạch phát triển lâm nghiệp vùng nguyên liệu gỗ trụ mỏ Đông Bắc đến năm 2010.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 09 năm 1992;

Căn cứ Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 92/CP ngày 23/08/1997 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tờ trình số 4277/NN-KH-TT ngày 25/11/1997) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 3350/BHK-VPTĐ ngày 19/05/1998),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phát triển lâm nghiệp vùng nguyên liệu gỗ trụ mỏ Đông Bắc đến năm 2010 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu:

- Xây dựng vùng sản xuất và cung cấp gỗ trụ mỏ ổn định lâu dài trên cơ sở phát huy tiềm năng đất đai, thông qua trồng rừng thâm canh các loại cây có hiệu quả đạt năng suất cao nhằm đáp ứng các nhu cầu gỗ trụ mỏ cho ngành Than đến năm 2010.

- Thu hút lao động vào sản xuất kinh doanh gỗ trụ mỏ, góp phần cải thiện đời sống của nhân dân trên địa bàn.

- Cùng với giải pháp xây dựng và phát triển lâm nghiệp trong vùng, nâng độ che phủ của rừng lên 55% vào năm 2010 góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Phạm vi quy hoạch vùng trồng rừng thuộc địa bàn các tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Cạn.